

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **129/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 28/7/2023

“V/v: Ly hôn và nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Dục

2. Ông Nguyễn Tiến Dũng

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Cảnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phạm Việt Bắc, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại Hội trường xét xử trụ sở Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 318/2023/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 4 năm 2023, về việc: *“Ly hôn và nuôi con chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 116/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13/7/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Số 01/12 P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Bị đơn: Bà Trương Thị D, sinh năm 1993, (Họ tên trước khi đổi là Hoàng Thị D).

Địa chỉ: Số 185/11 Đ, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn ông Huỳnh Văn C trình bày có nội dung như sau:

Ông C và bà Trương Thị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 01/03/2012.

Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, kinh tế vợ chồng khó khăn nên dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, bà D không quan tâm chăm sóc đến gia đình vợ con. Sau đó đến năm 2017 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh căng thẳng, bà D bỏ nhà đi ra ngoài

sống riêng và có biểu hiện sống không chung thủy, hiện đã có con với người khác, sống ly thân cho đến nay, nay ông C thấy không còn tình cảm với bà D nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông C được ly hôn với bà D.

Về con chung: Ông C và bà D có hai con chung là Huỳnh Thị Lan A, sinh ngày 22/4/2011 và Huỳnh Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 06/02/2013, hiện nay các con chung đang sống cùng với ông C nên sau khi ly hôn ông C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, cháu N cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông C không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 03/02/2023 bị đơn bà Hoàng Thị D trình bày:

Bà D và ông C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 01/03/2012. Bà D và ông C có hai con chung là Huỳnh Thị Lan A, sinh ngày 22/4/2011 và Huỳnh Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 06/02/2013

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến tháng 4/2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà D đi làm về ông C không đón vợ, về đến nhà không được một câu hỏi thăm từ ông C, mẹ chồng thị miệt thị dân tộc, người bắc, mẹ chồng la mắng cả ngày, ông C thấy vậy cũng im cho xong chuyện, mẹ chồng thì chửi mắng lời cả dòng họ bên ngoại ra miệt thị chửi rửa nhưng chồng không can ngăn, khi bà D nói lại và nói lại con có sai thì mẹ bảo dạy dỗ con chứ sao mẹ chửi cả nhà con, nhà con có làm gì đâu, lúc đó mẹ chồng bà D nói bà D hỗn láo, loại như bà D đánh chết đi, lúc này ông C liền đi đến tát bà D mấy cái bạt tai làm bà D té đâm đầu vào tường rồi đánh đuổi bà D ra khỏi nhà chứ bà D không tự bỏ đi. Sau khi bà D bị đuổi ra khỏi nhà thì có về thăm hai con chung nhưng thì bị mẹ chồng đánh đuổi đi không cho thăm con và bắt bà D ly hôn, bà D đã cố gắng về để thăm con và cố gắng níu kéo tình cảm vợ chồng nhưng bị gia đình phía ông C miệt thị nên không được. Nay ông C yêu cầu tòa án giải quyết cho ly hôn với bà D thì bà D không đồng ý.

- Về con chung, tài sản chung và về nợ chung: Bà D không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử của Thẩm phán và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn C xin ly hôn bà Trương Thị D.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Văn C được ly hôn với bà Trương Thị D.

Về con chung: Giao cháu Huỳnh Thị Lan A, sinh ngày 22/4/2011 và Huỳnh Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 06/02/2013 cho ông Huỳnh Văn C được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Bà Hoàng Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông C không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông C không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn ông C phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Trương Thị D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà D là phù hợp với Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn bà Trương Thị D có cư trú và sinh sống tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Ông C và bà D lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 01/03/2012, là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, thì vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, kinh tế vợ chồng khó khăn nên dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, bà Trương Thị D không quan tâm chăm sóc đến gia đình vợ con. Sau đó đến năm 2017 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh căng thẳng, bà D bỏ nhà đi ra ngoài sống riêng và có biểu hiện sống không chung thủy, hiện đã có con với người khác và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, nay ông C xét thấy không còn tình cảm với bà D nữa nên ông C yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông C được ly hôn với bà D.

Tại biên bản xác minh của Tòa án chính quyền địa phương cho biết ông C và bà D là vợ chồng, về mâu thuẫn vợ chồng thì địa phương không nắm được, chỉ biết hiện ông C và bà D đã sống ly thân.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà D vắng mặt không tham gia tố tụng, cố tình lẩn tránh, nên để cho tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng không hòa giải đoàn tụ được.

Xét mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa ông C và bà D đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân thì không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông C là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung: Hiện nay ông C đang trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Huỳnh Thị Lan A, sinh ngày 22//4/2011 và Huỳnh Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 06/02/2013 nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con chung và để ổn định cuộc sống của các con chung nên cần giao cháu Huỳnh Thị Lan A và Huỳnh Ngọc Quỳnh N cho ông Huỳnh Văn C được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Bà Trương Thị D có quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Ông C không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Ông C không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

[6]. Về án phí: Ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228; Điều 244; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn C xin ly hôn bà Trương Thị D.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Văn C được ly hôn bà Trương Thị D, (Họ tên trước khi đổi là Hoàng Thị D).

Về con chung: Giao con chung là Huỳnh Thị Lan A, sinh ngày 22//4/2011 và Huỳnh Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 06/02/2013 cho ông Huỳnh Văn C được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Bà Trương Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Huỳnh Văn C không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về án phí: Ông Huỳnh Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà ông C đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2021/0019229 ngày 18/01/2023.

Nguyên đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *TA tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND TP. BMT;*
- *CCTHADS TP. B;*
- *UBND xã T, Huyện B, tỉnh Đắk Lắk;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: HS + VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Đình Thanh